

PHỤ LỤC SỐ 04

*Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT
ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

**UBND TỈNH AN GIANG
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2013, 2014**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập: Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết An Giang, theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 02/8/2010 của UBND tỉnh An Giang.

- Vốn điều lệ:

+ Tại thời điểm 31/12/2013: 500 tỷ đồng.

+ Tại thời điểm 31/12/2014: 1.000 tỷ đồng.

(Vốn điều lệ tăng từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng, theo quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh An Giang).

2. Quá trình phát triển:

- Hoạt động xổ số kiến thiết là hoạt động thuộc ngành dịch vụ, kinh doanh có tính đặc thù, nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của một bộ phận người dân; Góp phần khai thác nguồn thu, để Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội và tạo việc làm cho một bộ phận người dân. Công ty có chức năng kinh doanh các loại hình xổ số, các ngành nghề khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty.

- Mục tiêu kinh doanh: Công ty tập trung chủ yếu vào kinh doanh trò chơi có thưởng (xổ số truyền thống, xổ số điện toán, . . .); chủ động đầu tư vào các ngành nghề có liên quan trực tiếp đến hoạt động xổ số kiến thiết.

- Ngành, nghề kinh doanh chính: kinh doanh các loại hình xổ số.

- Quy chế hoạt động: Điều lệ Công ty; Quy chế làm việc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế quản lý nợ; Quy chế phát hành vé; Quy chế phân phối lương; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi; Thẻ lệ quay mở thưởng; Thẻ lệ tham gia dự thưởng . . .

3. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp:

+ Hoàn thành kế hoạch kinh doanh hàng năm được UBND tỉnh giao.

- + Chấp hành nghiêm quy định pháp luật trong tất cả các lĩnh vực.
- + Phát triển bền vững, phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm.
- + Ổn định thu nhập CB CNV; Nâng cao chất lượng hoạt động đoàn thể.
- Tập trung kinh doanh xổ số kiến thiết xổ số truyền thống và xổ số điện toán, đảm bảo hoạt động Công ty phát triển; Chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất, kiến thức, khi có chủ trương thì tham gia ngay hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhằm thu hút người dân vui chơi, giải trí.

II. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

1.1. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

*** Năm 2013:**

- Doanh số phát hành vé số 3.660 tỷ đồng, đạt 100,55 % kế hoạch năm, tăng 0,55% so cùng kỳ.
- Doanh số tiêu thụ 2.792 tỷ đồng, tỷ lệ tiêu thụ bình quân là 76,28%, đạt 103,41% kế hoạch năm, tăng 7,04% so với cùng kỳ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế 462 tỷ đồng, đạt 148,07% kế hoạch năm, tăng 6,15% so với cùng kỳ.
- Nộp ngân sách nhà nước 971 tỷ đồng, đạt 121,38% kế hoạch năm, tăng 26,17% so với cùng kỳ.

*** Năm 2014:**

- Doanh số phát hành vé số 3.680 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm, tăng 0,546% so với cùng kỳ.
- Doanh số tiêu thụ 3.042 tỷ đồng, tỷ lệ tiêu thụ bình quân là 82,67%, đạt 106,74% kế hoạch năm, tăng 8,95% so với cùng kỳ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế 463 tỷ đồng, đạt 133,44% kế hoạch năm, tăng 0,16% so với cùng kỳ.
- Nộp ngân sách nhà nước 983 tỷ đồng, đạt 115,59% kế hoạch năm, tăng 1,2% so với cùng kỳ.

1.2. Về tình hình tài chính:

*** Năm 2013:**

- Tổng giá trị tài sản: 1.429.480 triệu đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ (1.395.821 triệu đồng).
- Nợ phải thu ngắn hạn: 210.212 triệu đồng, giảm 16% so với cùng kỳ (250.247 triệu đồng), chủ yếu là khoản nợ của đại lý vé số.
- Nợ phải trả: 528.935, giảm 11,3% so với cùng kỳ (596.478 triệu đồng).

*** Năm 2014:**

- Tổng giá trị tài sản: 1.462.746 triệu đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ (1.429.480 triệu đồng).
- Nợ phải thu ngắn hạn: 218.420 triệu đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ (210.212 triệu đồng), chủ yếu là khoản nợ của đại lý vé số.
- Nợ phải trả: 462.746 triệu đồng, giảm 12,5% so với cùng kỳ (528.935 triệu đồng).

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

*** Thuận lợi:**

- Chính trị trong nước ổn định.
- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, điều hành chỉ đạo của UBND tỉnh, ủng hộ của cơ ngành trong và ngoài tỉnh; sự phấn đấu của tập thể CB CNV, hệ thống đại lý, người bán lẻ, . . . đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** Khó khăn:**

Sự tăng trưởng của doanh thu tiêu thụ vé số chịu ảnh hưởng của doanh số phát hành, mà doanh số phát hành Công ty không chủ động được, Bộ Tài chính cho phép tăng thì công ty mới được tăng. Năm 2013, 2014, doanh thu tiêu thụ đã đạt tỷ lệ tương đối cao, nhưng công ty không được tăng doanh số phát hành, nên đã kìm hãm sự tăng trưởng của doanh thu tiêu thụ, tuy có tăng trưởng nhưng không cao.

II. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1. Về việc báo cáo tài chính:

- Công ty tuân thủ đầy đủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam: các chuẩn mực kế toán Việt Nam, quyết định 15/2006/QĐ-BTC, thông tư 168/2009/TT-BTC.
- Tình hình kiểm toán nội bộ: Công ty không thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ, mọi hoạt động Công ty thực hiện theo quy định pháp luật; điều lệ, quy chế, thể lệ hoạt động Công ty.

2. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC).
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Các nhận xét đặc biệt: Không có

BIỂU SỐ 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013, 2014 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (File đính kèm)

IV. CÁC CÔNG TY CON DO DOANH NGHIỆP NẮM TRÊN 50% VỐN
ĐIỀU LỆ: Không có

IV. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP:

1. Thông tin tình hình quản trị doanh nghiệp:

STT	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
I. Chủ tịch kiêm Giám đốc						
1	Tô Thiện Hữu	Chủ tịch kiêm Giám đốc	Thành viên HĐQT Cty Afi ex	Thạc sĩ	25 năm quản lý	PGĐ, GD Công ty
II. Phó Giám đốc						
1	Lý Thanh Đan	PGĐ		Cử nhân	13 năm quản lý	KTT
2	Trần Văn Hiền	PGĐ		Cử nhân	14 năm quản lý	
3	Võ Trung Dũng	PGĐ		Thạc sĩ	-	

Ghi chú: Ông Võ Trung Dũng giữ chức vụ trưởng phòng từ tháng 2/2012, Phó Giám đốc từ tháng 10/2014.

2. Kiểm soát viên:

- Kiểm soát viên chuyên trách: Ông Nguyễn Phước Tạo
- Kiểm soát viên kiêm nhiệm: Ông Lê Hiếu Thành – TP Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính An Giang.

3. Thù lao và lợi ích của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, Phó giám đốc và Kiểm soát viên.

3.1. Năm 2013:

- Quỹ tiền lương viên chức quản lý chuyên trách là 1.753 triệu đồng; kiểm soát viên kiêm nhiệm là 77,4 triệu đồng.
- Quỹ tiền thưởng viên chức quản lý chuyên trách là 219 triệu đồng; kiểm soát viên kiêm nhiệm là 9,7 triệu đồng.

3.2. Năm 2014:

- Quỹ tiền lương viên chức quản lý chuyên trách là 1.814,25 triệu đồng; kiểm soát viên kiêm nhiệm là 82,8 triệu đồng.

- Quỹ tiền thưởng viên chức quản lý chuyên trách: là 227 triệu đồng; kiểm soát viên kiêm nhiệm là 9,7 triệu đồng.

- Việc chi lương, thưởng VCQL thực hiện theo qui chế phân phối quỹ lương, tiền thưởng của Công ty. Riêng tiền lương, thù lao, tiền thưởng kiểm soát viên, theo thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH, Công ty phải trích nộp cho chủ sở hữu để hình thành quỹ chung chi trả cho Kiểm soát viên, nhưng do chưa có hướng dẫn của Sở Tài chính nên năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 Công ty thực hiện chi theo qui chế của Công ty. Kể từ quý III/2014, Công ty thực hiện chuyển về Sở Tài chính theo công văn số 1233/STC-TCDN ngày 18/06/2014 của Sở Tài chính An Giang, để Sở quản lý và chi trả theo quy định.

4. Về quản lý rủi ro:

- Công ty thực hiện quản lý sử dụng vốn, tài sản đúng theo chế độ quản lý tài chính hiện hành đối với hoạt động xổ số kiến thiết và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Các khoản nợ phải thu khó đòi, rủi ro trả thưởng Công ty đều trích lập dự phòng theo quy định.

- Đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của các đại lý vé số theo đúng quy định tại thông tư 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính.

- Tài sản cố định hữu hình thực hiện mua bảo hiểm đầy đủ theo quy định của pháp luật.

5. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp:

Công ty thực hiện theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP, 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013, Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ; các thông tư hướng dẫn số 18/2013/TT-BLĐTBXH, 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động thương binh Xã hội, Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; quy chế phân phối quỹ lương, quy chế thi đua khen thưởng của Công ty. Riêng năm 2013, 4 tháng đầu năm Công ty thực hiện theo hướng dẫn thông tư 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/09/2010.

Biểu mẫu số 4

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2013

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013		Kế hoạch Năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Hạng công ty được xếp		I	I	I

II	Tiền lương của người lao động				
1	Lao động	Người	60	54	58
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	13.125	15.081	12.835
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	9.450	9.856	8.933
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		1.269	1.206
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	13.125	17.169	14.568
III	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Số lượng VCQL	Người	4	4	4
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng		24	24
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.751	1.753	1.089
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	36,5	36,5	22,7
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng		219	95
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr.đồng	1.751	1.972	1.184
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng/tháng	36,5	41,1	24,7
IV	Thù lao của kiểm soát viên kiêm nhiệm				
1	Số lượng	Người	1	1	1
2	Quỹ thù lao	Tr.đồng	66,8	77,4	52
3	Tiền thưởng	Tr.đồng		9,675	

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2014

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014		Kế hoạch Năm 2015
			Kế hoạch	Thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Hạng công ty được xếp		I	I	I
II	Tiền lương của người lao động				

1	Lao động	Người	58	55	60
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	12.835	15.864	13.194
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	8.933	10.470	9.500
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	1.206	1.285	1.164
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	14.568	17.810	14.811
III Tiền lương của người quản lý chuyên trách					
1	Số lượng VCQL	Người	4	4,2	4,58
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng	24	28,3	25,9
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.089	1.814	1.313
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	22,7	36	23,9
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	95	227	115
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr.đồng	1.184	2.041	1.428
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng/tháng	24,7	40,5	25,9
IV Thù lao của kiểm soát viên kiêm nhiệm					
1	Số lượng	Người	1	1	1
2	Quỹ thù lao	Tr.đồng	52	82,8	55,2
3	Tiền thưởng	Tr.đồng		9,7	



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc
Phó Giám đốc